

# KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN CỦA MỘT SỐ GIỐNG HOA LAN ĐÀI CHÂU

## *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl TẠI GIA LÂM HÀ NỘI

Đinh Thị Dinh, Đặng Văn Đông,  
Chu Thị Ngọc Mỹ

### SUMMARY

#### Results of evaluating growth and development of some *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl varieties in Gia Lam, Hanoi

*Rhynchostylis gigantea* belongs to *Rhynchostylis* genus is a beautiful orchid flower with honey smell and high economic efficiency. However, this species has not been developed in Vietnam. From 2010 to 2012, researchers in Fruit and Vegetable Research Institute (FAVRI) collected, introduced and evaluated growth, development ability of some *Rhynchostylis gigantea* varieties. The results have shown that native orchid varieties grew and developed better than introduced ones when they were planted in Vietnam condition. After three years after plantation, two native varieties as 'ĐC đốm tím 1' and 'ĐC đốm tím 2' had six leaves with the leaf length was 24.5cm and 27.5cm, respectively. The number of flowers reached 26.3 and 25.2 buds per stem with flower stems length were 16.8cm and 16.5cm. Two varieties have a natural flowering time were 24 days and 23 days, insensitive with dangerous diseases and pests. Both varieties possessed white color with purple spot, sweet fragrance and attractive flowers for customers. Three introduced varieties as 'ĐC đỏ', 'ĐC trắng' and 'ĐC đốm đỏ' grew slowly. After three years, the average of leaf number were from 5.1 leaves to 5.3 leaves per stem with the leaf length was 20.3cm to 21.6cm. The number of flowers reached 21.5-24.3 buds per stem with flower stems length were 12.6cm-14.2cm. Three varieties have a natural flowering time were 19-22 days, sensitive with dangerous diseases and pests

**Keywords:** Evaluate, development, grow, *Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl selected variety, variety.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoa lan Đài châu *Rhynchostylis gigantea* (Lindl) Ridl thuộc chi Ngọc điểm

(*Rhynchostylis*) là loài phong lan có màu sắc đẹp, hương thơm ngọt ngào, dáng hoa chùm, rủ, cây hoa có một vẻ đẹp rất tự nhiên, quyến rũ và thanh cao. Hoa lan Đài

châu đẹp và hấp dẫn như vậy nhưng loài hoa lan quý này vẫn chưa thực sự phát triển ở Việt Nam. Nguyên nhân một phần là do lan Đại châu khó chăm sóc và sinh trưởng, phát triển rất chậm, nguyên nhân chính là do chưa được các nhà khoa học trong nước quan tâm nghiên cứu chuyên sâu về loài lan này, cả về giống và kỹ thuật chăm sóc. Trước hết là công tác chọn, tạo giống. So với các loài lan khác như Hồ điệp, Hoàng thảo, Địa lan thì bộ giống hoa lan Đại châu hiện nay còn khá nghèo nàn. Do vậy, việc thu thập, nhập nội đánh giá tuyển chọn giống có khả năng sinh trưởng, phát triển khỏe, chất lượng hoa cao phục vụ sản xuất là rất cần thiết.

**II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**1. Vật liệu nghiên cứu**

- Gồm 5 giống lan Đại châu *Rhynchostylis gigantea* (Lindne) Ridl bản địa và nhập nội, thuộc chi Ngọc Điểm (*Rhynchostylis*).

**III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**1. Đặc điểm hình thái của một số giống hoa lan Đại châu**

Bảng 1. Đặc điểm hình thái các giống lan Đại châu khảo nghiệm

Ký hiệu giống	Màu sắc đầu rễ	Hình dạng lá	Màu sắc lá	Thế lá (lá)	Sự phân thùy của đầu lá	Màu sắc cánh hoa	Màu sắc cánh môi	Mùi thơm
ĐC đỏ	Đỏ tía	Lông máng	Xanh đậm tía đỏ	Đứng	Lệch, gai nhọn	Đỏ đậm	Tím đậm, đầu cánh chia 3 thùy	Thơm nhẹ
ĐC đốm đỏ	Đỏ tía	Lông máng	Xanh đậm chấm đỏ ở cuống	Đứng	Lệch, có gai	Trắng chấm đỏ	Đỏ, đầu cánh chia 3 thùy	Thơm nhẹ
ĐC trắng	Xanh vàng	Lông máng	Xanh nhạt	Đứng	Lệch, có gai	Trắng	Trắng, đầu cánh chia 3 thùy	Thơm nhẹ
ĐC đốm tím 1	Xanh	Lông máng	Xanh	Đứng	Lệch, có gai	Trắng đốm tím	Màu trắng, đầu cánh tím, chia 3 thùy	Thơm
ĐC đốm tím 2	Xanh	Lông máng	Xanh	Ngang	Lệch, có gai	Trắng đốm tím nhạt	Màu trắng, đầu cánh tím, chia 3 thùy	Thơm

**2. Phương pháp nghiên cứu**

Mô tả đặc điểm thực vật học của các giống theo bảng mô tả của Trung tâm Tài nguyên Di truyền thực vật.

Các thí nghiệm đánh giá giống được bố trí theo khối ngẫu nhiên với 3 lần nhắc lại, mỗi lần nhắc lại theo dõi 30 chậu, mỗi chậu 1 cây. Cây giống thí nghiệm: Là cây *invitro*, cây giống đủ tiêu chuẩn ra ngôi. Thời gian thực hiện 2010-2012.

Phương pháp điều tra sâu bệnh hại theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng (QCVN 01-38: 2010/ BNNPTNT).

Địa điểm nghiên cứu: Tại Viện Nghiên cứu Rau quả

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 1/2010 đến tháng 12/2012.

Số liệu được xử lý theo chương trình Excel và IRRISTAT 4.0.

Nhìn chung các giống lan Đại châu có sự khác biệt về hình thái. Màu sắc thân, rễ, lá theo xu hướng màu sắc của hoa: Đại châu hoa đỏ thì lá, thân, đầu rễ có màu đỏ tía, Đại châu hoa màu trắng đốm đỏ thì lá có chấm đỏ ở cuống lá và đầu rễ có màu đỏ tía, Đại châu hoa có màu trắng thì thân, lá, đầu rễ đều có màu xanh. Hình dạng lá ở các giống đều là hình lòng máng, màu sắc lá từ xanh nhạt đến xanh đậm. Đầu lá thường phân thùy lệch có gai hoặc tròn. Hướng lá của giống Đại châu đốm tím 2 có lá nằm ngang, các giống còn lại đều có hướng thẳng đứng.

Các giống nhập nội có màu sắc hoa rất đa dạng như tím đậm, đốm đỏ, trắng, cam. Các

giống bản địa chỉ có màu trắng đốm tím. Mùi thơm của các giống bản địa Đại châu đốm tím 1, Đốm tím 2 có mùi thơm ngọt ngào còn các giống nhập nội có mùi thơm nhẹ.

## 2. Đánh giá khả năng sinh trưởng của các giống

### 2.1. Tỷ lệ cây sống và thời gian hồi xanh sau ra ngôi

Tỷ lệ cây sống và thời gian hồi xanh sau trồng là một trong những yếu tố quan trọng đối với cây hoa Đại châu, thể hiện khả năng thích ứng của các giống với điều kiện ngoại cảnh của vùng (bảng 2).

Bảng 2. Tỷ lệ sống và thời gian hồi xanh của các giống

STT	Tên giống	Ngày hồi xanh (ngày)	Tỷ lệ sống sau ra ngôi 1 tháng (%)
1	Đại châu đỏ	15	90
2	Đại châu trắng	14	92
3	Đại châu đốm đỏ	14	90
4	Đại châu đốm tím 1	12	95
5	Đại châu đốm tím 2	13	95

Thời gian hồi xanh của các giống từ 12 - 15 ngày. Trong đó giống Đại châu đốm tím 1, có thời gian hồi xanh nhanh nhất và giống Đại châu đỏ có thời gian hồi xanh

dài nhất. Tỷ lệ cây sống sau trồng ở các giống tương đối cao (90 - 95%) trong đó hai giống bản địa có tỷ lệ sống cao hơn cả đạt 95%.

### 2.2. Tốc độ sinh trưởng lá của các giống lan Đại châu

Bảng 3. Động thái tăng trưởng số lá, chiều dài lá, chiều rộng lá của các giống lan Đại châu

Chỉ tiêu	Tuổi cây								
	1 năm tuổi			2 năm tuổi			3 năm tuổi		
	Số lá	Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)	Số lá	Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)	Số lá	Dài lá (cm)	Rộng lá (cm)
ĐC đỏ	2,8	8,8	1,5	4,1	15,8	2,8	5,3	21,0	4,2
ĐC trắng	2,6	8,1	1,6	3,9	15,0	2,9	5,2	20,3	4,4
ĐC đốm đỏ	3,0	8,5	1,5	4,0	15,3	2,7	5,1	21,6	4,0
ĐC đốm tím 1	3,9	10,5	1,7	4,9	18,3	3,0	6,0	24,5	4,5
ĐC đốm tím 2	3,8	11,2	1,4	4,9	20,2	2,8	6,1	27,5	4,0
CV(%)							4,3	6,1	5,2
LSD <sub>05</sub>							0,6	2,4	0,23

Khả năng sinh trưởng biểu hiện bằng động thái ra lá và kích thước lá. Số lá trên cây ở các giống biến động qua các năm như sau: Sau 1 năm số lá đạt từ 2 đến 4 lá, sau 2 năm đạt từ 4-5 lá, sau 3 năm đạt từ 5 - 6 lá.

Tốc độ tăng trưởng số lá nhanh ở hai giống bản địa Đại châu đốm tím 1 và Đại châu đốm tím 2, sau 3 năm số lá cao nhất là giống Đại châu đốm tím 2 đạt 6,1 lá, thấp nhất là Đại châu đốm đỏ đạt 5,1 lá.

Kích thước lá ở các giống cũng có sự khác biệt. Chiều dài lá ở các giống Đại châu bản địa dài hơn các giống Đại châu công nghiệp. Giống Đại châu đốm tím 2 có chiều dài lá dài nhất đạt 27,5cm sau trồng 3 năm, nhưng chiều rộng lá lại nhỏ nhất (4cm), lá có hình dạng thuôn dài. Ngược lại, giống Đại châu trắng lại có chiều dài lá ngắn nhất đạt

20,3cm nhưng chiều rộng lá lại có kích thước khá lớn đạt 4,4cm. Giống Đại châu đốm tím 1 có kích thước lá lớn nhất, chiều rộng lá đạt giá trị lớn nhất (4,5cm), dài lá đạt giá trị lớn thứ 2 (24,5cm) sau giống Đại châu đốm tím 2.

Nhìn chung, tốc độ sinh trưởng, số lá và kích thước lá ở 2 giống bản địa Đại châu đốm tím 1 và Đại châu đốm tím 2 nhanh hơn các giống Đại châu công nghiệp.

**2.3. Tốc độ sinh trưởng thân cây của các giống lan Đại châu**

Chiều cao thân, đường kính thân ở các giống sau trồng một năm ít có sự khác biệt, chiều cao thân đạt từ 2 - 2,5cm, đường kính thân đạt từ 0,54 - 0,78cm.

Tuy nhiên các chỉ tiêu này có sự khác biệt giữa các giống sau trồng 2 năm, 3 năm.

Bảng 4. Động thái tăng trưởng chiều cao và đường kính thân cây

Giống \ Chi tiêu	1 năm tuổi		2 năm tuổi		3 năm tuổi	
	Chiều cao thân (cm)	Đường kính thân (cm)	Chiều cao thân (cm)	Đường kính thân (cm)	Chiều cao thân (cm)	Đường kính thân (cm)
Đại châu đỏ	2,1	0,54	3,8	0,65	6,2	0,74
Đại châu trắng	2,0	0,61	3,9	0,73	6,0	0,85
Đại châu đốm đỏ	2,1	0,60	3,7	0,72	6,3	0,83
Đại châu đốm tím 1	2,5	0,78	5,1	0,89	8,8	1,32
Đại châu đốm tím 2	2,5	0,72	5,0	0,87	8,7	1,19
CV(%)					7,3	4,5
LSD <sub>05</sub>					1,24	0,22

Sau trồng 3 năm, chiều cao thân cây của các giống đạt từ 6,2 - 8,8cm, Hai giống bản địa Đại châu đốm tím 1 và Đại châu đốm tím 2 đạt 8,7 - 8,8cm trong khi các giống Đại châu công nghiệp chỉ đạt

6,0 - 6,3cm. Đường kính thân của hai giống Đại châu đốm tím 1, Đại châu đốm tím 2 cũng đạt giá trị cao 1,19 - 1,32cm, trong khi các giống Đại châu công nghiệp chỉ đạt 0,74 - 0,85cm.

2.4. Tốc độ tăng trưởng rễ của các giống lan Đại châu

Bảng 5. Động thái tăng trưởng số rễ, kích thước rễ của các giống

Chi tiêu Giống	Tuổi cây								
	1 năm tuổi			2 năm tuổi			3 năm tuổi		
	Số rễ	Đường kính rễ (cm)	Dài rễ (cm)	Số rễ	Đường kính rễ (cm)	Dài rễ (cm)	Số rễ	Đường kính rễ (cm)	Dài rễ (cm)
Đại châu đỏ	3,2	0,25	15,23	4,6	0,56	23,2	5,0	0,77	36,6
Đại châu trắng	3,1	0,24	16,02	4,1	0,67	24,1	5,1	0,86	35,2
Đại châu đốm đỏ	3,0	0,24	14,56	4,1	0,55	25,2	4,8	0,76	37,1
Đại châu đốm tím 1	3,2	0,32	18,78	4,3	0,62	27,3	5,1	0,87	40,8
Đại châu đốm tím 2	3,1	0,30	19,21	4,2	0,65	28,0	5,0	0,88	41,2
CV(%)							4,5	4,7	7,3
LSD <sub>05</sub>							0,31	0,11	2,8

Tốc độ tăng trưởng rễ của các giống được thể hiện ở số rễ, chiều dài rễ, đường kính rễ biến động qua các năm. Số rễ của các giống sau trồng 1 năm đạt 3 - 3,2 rễ, sau trồng 2 năm đạt 4,1 - 4,6 rễ, sau trồng 3 năm đạt 4,8 - 5,1 rễ. Số rễ giữa các giống trong cùng một năm không có sự khác biệt lớn.

Đường kính rễ giữa các giống trong cùng một năm cũng không có sự khác biệt. Đường kính rễ sau trồng một năm đạt từ 0,24 - 0,32cm, sau trồng 2 năm đạt từ 0,55 - 0,67cm, sau trồng 3 năm đạt từ 0,76 - 0,88cm.

Chiều dài rễ của các giống có sự khác biệt qua các năm. Sau trồng một năm chiều dài rễ của các giống đạt từ 14,56 - 19,21cm, chiều dài rễ đạt giá trị lớn ở giống Đại châu đốm tím 1, Đại châu đốm tím 2, đạt 18,78-19,21cm trong khi các giống Đại châu công

nh nghiệp chỉ đạt 14,5 - 16,0cm. Sau 2 năm trồng chiều dài rễ của các giống đạt từ 23,2 - 28,0cm. Sau 3 năm trồng, chiều dài rễ của các giống đạt từ 35,2 - 41,2cm, chiều dài rễ đạt giá trị lớn trên 2 giống Đại châu đốm tím 1, đốm tím 2 đạt 40,8 - 41,2cm, các giống còn lại đạt giá trị 35,2 - 37,1cm.

3. Mức độ gây hại của sâu, bệnh chính trên các giống

Mức độ gây hại của một số sâu, bệnh hại chính cũng là một chi tiêu rất quan trọng để đánh giá giống. Giống có khả năng chống chịu sâu, bệnh tốt thì sẽ tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi, năng suất cao, chất lượng tốt. Theo dõi một số loại sâu, bệnh chính có tính chất nguy hiểm đối với hoa lan Đại châu, kết quả được thể hiện ở bảng 6.

